

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố tiêu chuẩn cơ sở

GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH GIỐNG CÂY TRỒNG PHÚ NÔNG

Căn cứ vào Giấy phép kinh doanh số 0305060797 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố TP. Hồ Chí Minh về Chức năng nhiệm vụ của công ty;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 do Chủ tịch nước công bố ngày 12 tháng 7 năm 2006;

Luật trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018 và nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật trồng trọt về giống cây trồng và canh tác

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Luật chất lượng sản phẩm, hàng hoá số 05/2007/QH12 do Chủ tịch quốc hội công bố ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Thông tư 21/2007/TT-BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn;

Xét theo đề nghị của Trưởng phòng kỹ thuật.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành tiêu chuẩn cơ sở kèm theo Quyết định này quy định đối với giống dưa hấu: TCCS 06:2021/PNS - Khảo nghiệm giá trị canh tác, giá trị sử dụng và chất lượng hạt giống.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 2: Các bộ phận, phòng ban có liên quan của doanh nghiệp và đơn vị, cá nhân có liên quan đến giống dưa hấu do Công Ty TNHH Giống Cây Trồng Phú Nông sản xuất kinh doanh chịu trách nhiệm thực hiện quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu: Công ty.

CÔNG TY TNHH GIỐNG CÂY TRỒNG PHÚ NÔNG



GIÁM ĐỐC

Phan Thị Triều Tâm

TCCS 06:2021/PNS

Xuất bản lần 1

GIỐNG DỪA HẦU
KHẢO NGHIỆM GIÁ TRỊ CANH TÁC, GIÁ TRỊ SỬ DỤNG VÀ CHẤT
LƯỢNG HẠT GIỐNG

TP. Hồ Chí Minh - 2021

Lời nói đầu

TCCS 06:2021/PNS do Công Ty TNHH Giống Cây Trồng Phú Nông công bố theo quyết định số 06/QĐ- PNS-TCCS ngày 10 tháng 01 năm 2021.

Trong quá trình áp dụng tiêu chuẩn này có thể sửa đổi, bổ sung, thu hồi, hủy bỏ cho phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

1. PHẠM VI ÁP DỤNG

Tiêu chuẩn này quy định phương pháp khảo nghiệm giá trị canh tác, giá trị sử dụng (khảo nghiệm VCU) giống dưa hấu và chất lượng giống dưa hấu do Công Ty TNHH Giống Cây Trồng Phú Nông sản xuất và kinh doanh trên địa bàn toàn quốc.

2. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018 và nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019.

- Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 do Chủ tịch nước công bố ngày 12 tháng 7 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

- Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

- Căn cứ Luật chất lượng sản phẩm, hàng hoá số 05/2007/QH12 do Chủ tịch quốc hội công bố ngày 21 tháng 11 năm 2007;

- Căn cứ Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật trồng trọt về giống cây trồng và canh tác;

- Căn cứ Thông tư 21/2007/TT-BKHHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn;

- Căn cứ TCVN 8815:2011/BNNPTNT: Hạt giống dưa hấu lai- Yêu cầu kỹ thuật

- Căn cứ QCVN 01-91:2012/BNNPTNT: Khảo nghiệm giá trị canh tác, giá trị sử dụng giống dưa hấu.

- Căn cứ QCVN 01-121:2013/BNNPTNT: Về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống dưa hấu.

3. THUẬT NGỮ VÀ ĐỊNH NGHĨA

Trong tiêu chuẩn này sử dụng thuật ngữ và định nghĩa sau đây:

Khảo nghiệm diện hẹp: Khảo nghiệm được tiến hành trên đồng ruộng, diện tích ô nhỏ, có lặp lại.

Khảo nghiệm diện rộng: Khảo nghiệm được tiến hành trên đồng ruộng, diện tích ô lớn, không lặp lại.

Khảo nghiệm có kiểm soát: Khảo nghiệm giống trong môi trường nhân tạo để giống thể hiện đầy đủ đặc tính chống chịu điều kiện bất thuận.

Giống khảo nghiệm: Giống mới được đưa vào khảo nghiệm.

Chữ viết tắt:

TGST: Thời gian sinh trưởng

VCU: Value of Cultivation and Use (giá trị canh tác và giá trị sử dụng).

TCCS: Tiêu chuẩn cơ sở.

PNS: Phu Nong Seeds – Công ty TNHH Giống Cây Trồng Phú Nông

QCVN: Quy chuẩn Việt Nam.

TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam.

4. YÊU CẦU KHẢO NGHIỆM**4.1 Vùng miền khảo nghiệm**

- Địa điểm khảo nghiệm giống phải đại diện về đất đai, khí hậu thời tiết của Vùng miền khảo nghiệm; phải phù hợp với yêu cầu sinh trưởng, phát triển của giống.
- Địa điểm khảo nghiệm diện hẹp được thực hiện tại các tỉnh khác nhau.
- Địa điểm khảo nghiệm diện rộng được thực hiện tại các tỉnh khác nhau.
- Tại mỗi điểm khảo nghiệm có đủ diện tích để bố trí thí nghiệm khảo nghiệm. Diện tích tối thiểu để bố trí thí nghiệm là: Khảo nghiệm diện hẹp 100 m²; khảo nghiệm diện rộng 1.000 m².

Quy định số lượng địa điểm khảo nghiệm tối thiểu tại mỗi vùng miền diện hẹp và diện rộng

Bảng 1 - Số lượng địa điểm khảo nghiệm tối thiểu tại mỗi vùng

TT	Vùng khảo nghiệm	Khảo nghiệm diện hẹp	Khảo nghiệm diện rộng
1	Trung du miền núi phía Bắc	1-2	1-2
2	Đồng bằng sông Hồng	1-2	1-2
3	Bắc Trung Bộ	1-2	1-2
4	Duyên hải Nam Trung Bộ	1-2	1-2
5	Tây Nguyên	1-2	1-2
6	Đông Nam Bộ	1-2	1-2
7	Đồng bằng sông Cửu Long	1-2	1-2

4.2 Khảo nghiệm có kiểm soát

Thực hiện khảo nghiệm có kiểm soát về điều kiện bất thuận - thực hiện không tưới để đánh giá tính chịu hạn của giống khảo nghiệm được thực hiện trong nhà lưới với các điều kiện phù hợp để bố trí các thí nghiệm: Đủ ánh sáng, nước tưới để cây trồng sinh trưởng phát triển. Chống được côn trùng, chuột, chim. Nhà lưới phải đảm bảo cách ly nguồn sâu bệnh với môi trường.

5. PHƯƠNG PHÁP KHẢO NGHIỆM**5.1. Các bước khảo nghiệm****5.1.1. Khảo nghiệm diện hẹp**

Thực hiện tối thiểu 3 vụ và có ít nhất 2 vụ khảo nghiệm trùng tên. Mỗi Vùng miền sinh thái chọn 1 điểm của 1 tỉnh trong vùng để khảo nghiệm.

Giống khảo nghiệm được bố trí thí nghiệm theo kiểu tuần tự hoặc ngẫu nhiên, 3 lần nhắc lại. Diện tích ô thí nghiệm tối thiểu 15 m² (10 m x 1,5 m). Khoảng cách giữa các giống là 30 cm và giữa các lần nhắc là 30 cm. Xung quanh ruộng thí nghiệm có ít nhất 2 hàng bảo vệ.

Để xác định giá trị canh tác và sử dụng của giống phải theo dõi, đánh giá các chỉ tiêu ở Bảng 2 dưới đây:

Bảng 2 - Các chỉ tiêu theo dõi

Chỉ tiêu	Giai đoạn	Đơn vị tính hoặc điểm	Mức độ biểu hiện	Phương pháp đánh giá
1. Ngày gieo - mọc	Mọc mầm	Ngày	Ngày 50 % số cây có lá mầm mọc lên khỏi mặt đất	Quan sát
2. Số ngày từ gieo đến ra hoa	Ra hoa	Ngày	Có 50 % số cây/ô có ít nhất 1 hoa nở	Tính số ngày
3. Ngày thu hoạch quả	Thu hoạch	Ngày	Quả chín	Số ngày từ gieo đến khi thu hoạch
4. Hình dạng mặt cắt dọc quả	Thu hoạch	1 2 3 4	Tròn Elip rộng Elip Hình trụ	Bỏ dọc quả quan sát quả trên 10 cây trên ô thí nghiệm
5. Độ dày vỏ quả	Thu hoạch	3 5 7	Mỏng Trung bình Dày	Bỏ quả và quan sát 10 quả trên ô thí nghiệm
6. Màu sắc thịt quả	Thu hoạch		Đỏ đậm Vàng Da cam Đỏ Đỏ tươi	Bỏ dọc quả sau đó quan sát ruột của 10 quả trên ô thí nghiệm
7. Hạt	Thu hoạch	1 2	Hạt có nhân Hạt lép không nhân	Đếm số hạt có trong quả của 10 cây/ ô
8. Chất lượng thử nếm	Thu hoạch		Ít ngọt Ngọt Rất ngọt	Thử nếm cảm quan và cho điểm
9. Độ cát	Thu hoạch	1 3 5 7	Không có ít Trung bình Nhiều	Thử nếm và cho điểm
10. Độ Brix	Thu hoạch	%	Dịch đường	Chiết nước thịt quả nhỏ nước dịch quả vào máy đo Brix

Chỉ tiêu	Giai đoạn	Đơn vị tính hoặc điểm	Mức độ biểu hiện	Phương pháp đánh giá
11. Bệnh héo (<i>Fusarium oxysporum</i>)	Giai đoạn bị hại	%	Cây bị hệnh héo xanh nhìn rõ ràng bằng mắt thường	Quan sát và tính tỷ lệ cây bị bệnh trên ruộng của toàn bộ cây trên ô
12. Bệnh thán thư (<i>Collectotricum lagenaricum</i>)	Cây con và trước thu hoạch	1 3 5 7 9	Không nhiễm Nhiễm nhẹ ($\leq 20\%$) Nhiễm TB (từ 20 - 40%) Nhiễm nặng (từ 40-70%) Nhiễm rất nặng ($> 70\%$)	Quan sát và đếm cây bị bệnh trên ruộng của toàn bộ cây trên ô (diện tích thân, lá hoặc quả nhiễm bệnh)
13. Bệnh giả sương mai (<i>Pseudoperonospora cubensis</i>)	Cây con và trước thu hoạch	1 3 5 7 9	Không nhiễm Nhiễm nhẹ ($\leq 20\%$) Nhiễm TB (từ 20 - 40%) Nhiễm nặng (từ 40-70%) Nhiễm rất nặng ($> 70\%$)	Quan sát và đếm cây bị bệnh trên ruộng của toàn bộ cây trên ô (diện tích thân, lá hoặc quả nhiễm bệnh)
14. Rệp, bọ trĩ (nếu có)	Bị hại	Con/m ²	Các lá có con rệp đeo bám trên 2 mặt lá	Quan sát và đếm toàn bộ số cây bị hại trên ô
15. Chịu hạn	Bị hại	1 3 5 7 9	Lá bình thường Lá hơi vo, hồi phục nhanh Lá vo TB, hồi phục chậm Lá cuộn tròn, hồi phục ít Lá chết hoàn toàn	Quan sát và đếm số cây có lá bị hại trên ô
16. Chịu úng	Bị hại	1 3 5 7 9	Lá bình thường Lá hơi rũ, hồi phục nhanh Lá rũ TB, hồi phục chậm Lá rũ trải mặt luống, hồi phục rất kém Lá chết hoàn toàn	Quan sát và đếm số cây có lá bị hại trên ô

Chỉ tiêu	Giai đoạn	Đơn vị tính hoặc điểm	Mức độ biểu hiện	Phương pháp đánh giá
17. Khối lượng quả	Thu hoạch	kg	Quả chín	Cân khối lượng của từng quả trên ô
18. Năng suất	Thu hoạch	tấn/ha	Quả chín	Cân toàn bộ số quả thu được trên ô
19. Màu sắc vỏ quả			Xanh nhạt Xanh Trung bình Xanh đậm	Quan sát vỏ quả khi thu hoạch

5.1.2. Khảo nghiệm diện rộng

Tiến hành 2 vụ, đồng thời với khảo nghiệm diện hẹp hoặc sau 01 vụ khảo nghiệm diện hẹp. Mỗi vùng miền sinh thái chọn 1 điểm của 1 tỉnh trong Vùng miền để khảo nghiệm.

Bố trí thí nghiệm

Bố trí thí nghiệm theo kiểu tuần tự hoặc ngẫu nhiên, không lặp lại.

Thí nghiệm có nhiều giống hoặc chỉ 01 giống khảo nghiệm.

Diện tích giống khảo nghiệm: Mỗi giống ít nhất 1.000 m²/điểm khảo nghiệm

Các chỉ tiêu theo dõi và phương pháp đánh giá

- Thời gian sinh trưởng.
- Năng suất: cân khối lượng quả tươi thực thu trên diện tích khảo nghiệm sau đó quy ra năng suất tấn/ha.
- Đặc điểm giống: nhận xét chung về sinh trưởng, mức độ nhiễm sâu bệnh và khả năng thích ứng với điều kiện của địa phương nơi khảo nghiệm.

5.1.3. Khảo nghiệm có kiểm soát

Thực hiện tối thiểu 1 vụ. Làm tại 1 điểm

Bố trí khảo nghiệm: Các giống dưa hấu khảo nghiệm được trồng trong nhà lưới hoặc trên đồng ruộng theo các ô có bờ ngăn nước, diện tích mỗi ô 50 m², hai lần lặp lại.

Phương pháp thực hiện: Thí nghiệm được thực hiện trong điều kiện cho ngập úng nhân tạo ở thời kỳ sau thụ phấn chọn quả (40 ngày sau trồng), mỗi ô thí nghiệm có 50 cây. Tiến hành cho ngập hoàn toàn mặt ruộng với các mốc thời gian: Ngập 12, 24, 48 tiếng, sau đó rút cạn nước hoàn toàn và chăm sóc bình thường.

Phương pháp đánh giá: Theo dõi, đánh giá các chỉ tiêu như bảng bên dưới cho giai đoạn làm thí nghiệm.

Bảng 3: Thang điểm đánh giá

Điểm	Mức độ biểu hiện	Phương pháp đánh giá
1	Lá, dây bình thường	Quan sát và đếm số cây có lá, dây bị hại trên ô thí nghiệm vào ngày 1 và 3 sau khi rút nước theo mô tả
2	Lá hơi rũ, hồi phục nhanh	
3	Lá rũ trung bình, hồi phục chậm	
4	Lá rũ trải mặt luống, hồi phục kém	
5	Lá chết hoàn toàn	

6. BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO NGHIỆM: Theo quy định mẫu của công ty.

7. YÊU CẦU VỀ GIÁ TRỊ CANH TÁC VÀ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG

7.1. Kết quả khảo nghiệm diện hẹp và diện rộng

TT	Chỉ tiêu/Đặc điểm	Biểu hiện
1	Thời gian gieo - thu hoạch (ngày)	50-90
2	Chất lượng thử nếm (thử nếm cảm quan và cho điểm)	Ngọt – Rất ngọt
3	Độ Brix (%)	12-15 %
4	Khối lượng quả (kg)	3-6 Kg
5	Năng suất trung bình (tấn/ha)	25-45 tấn/ha

7.2. Kết quả khảo nghiệm có kiểm soát

Tính chịu úng (ngập 1 ngày): Điểm < 5, giống có khả năng phục hồi tốt sau 1 ngày bị úng

8. CHẤT LƯỢNG HẠT GIỐNG – ĐÓNG GÓI, BAO BÌ, NHÃN MÁC

8.1. Chỉ tiêu chất lượng

Hạt giống của nhóm dưa hấu phải đảm bảo chất lượng hạt giống với các chỉ tiêu cơ bản tại TCCS (được xây dựng phù hợp với TCVN 8815:2011) này như sau:

Chỉ tiêu	Hạt F1	Phương pháp thử
1.Độ sạch, % khối lượng, không nhỏ hơn	99,0	Theo TCVN 8548:2011
2.Tỷ lệ nảy mầm, % số hạt, không nhỏ hơn	80	
3.Độ ẩm, % khối lượng, không lớn hơn	8,0	

* OP: Open pollination (thụ phấn tự do)

8.2. Đóng gói, bao bì và nhãn mác

- **Đóng gói:** Lon sắt, nhôm cán mỏng, túi bao bì kim loại, bao bì nhựa hoặc nilon.
- **Nội dung ghi nhãn:** Tên giống, cấp giống, đặc tính giống, định lượng giống, ngày sản xuất, ngày hết hạn sử dụng, xuất xứ của giống cây trồng, bảo quản và hướng dẫn sử dụng - Bảo quản và hướng dẫn sử dụng